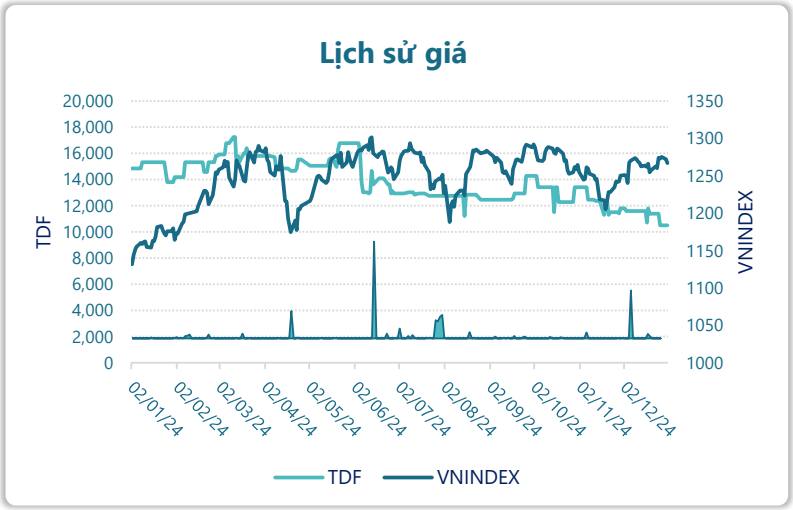
FireAnt

CTCP Trung Đô (UPCOM: TDF)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
P/E	21.0
EPS	500

DT thuần

Q4/24

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00| 3.9%

YoY: ▼29.0| -18.9%

LN sau thuế

Q4/24

33.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.3| 8536%

YoY: ▲ 18.5| 122%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

13.9%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

2024

480

tỷ VNĐ

YoY: ▼39.0| -7.5%

LN sau thuế

2024

15.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.8| -56.9%

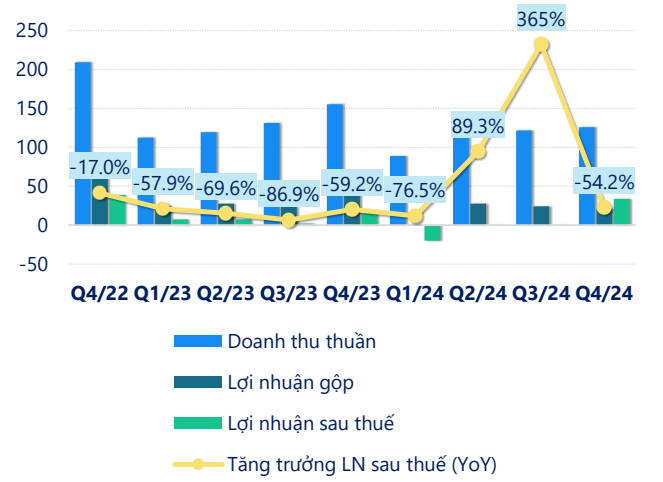
ROE

2024

2.0%

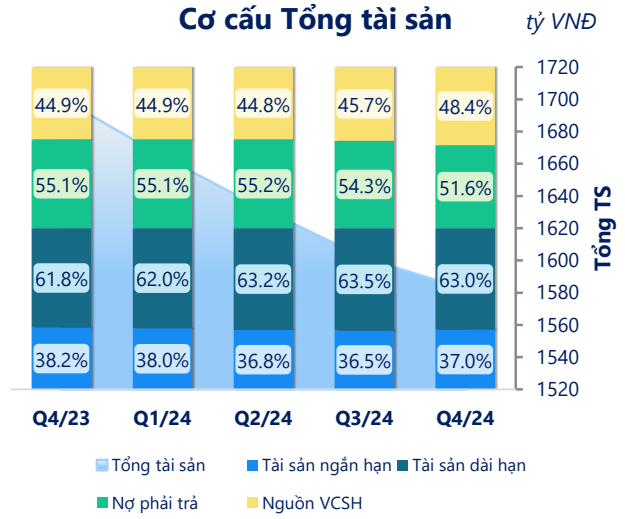
+/- YoY: ▼ 2.6%

Kết quả kinh doanh



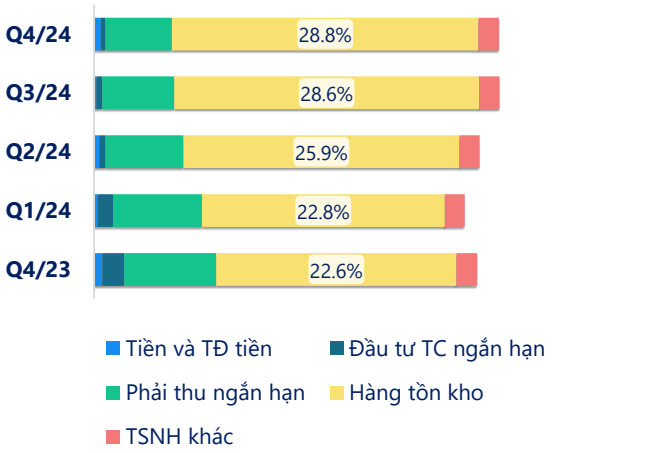
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



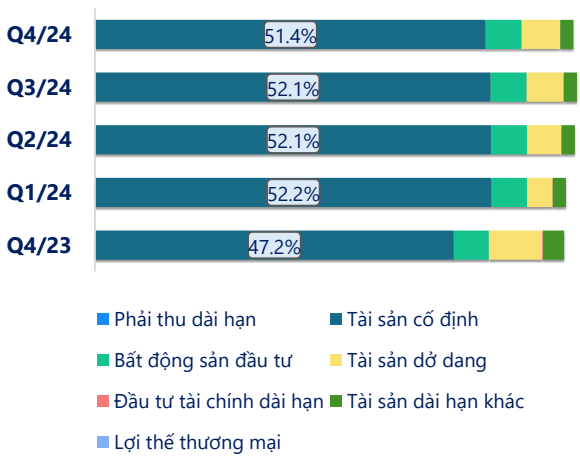
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



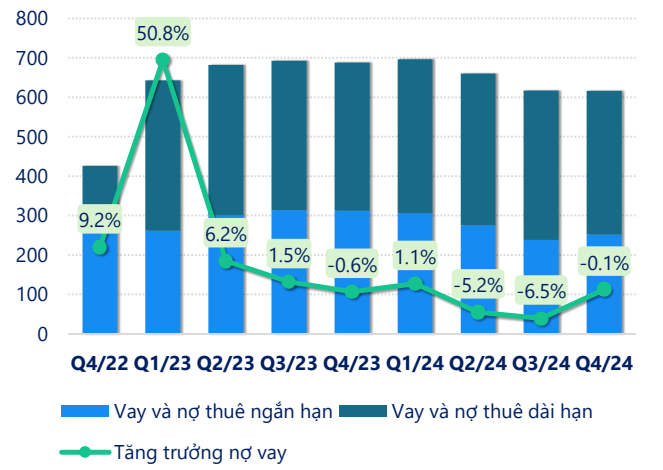
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



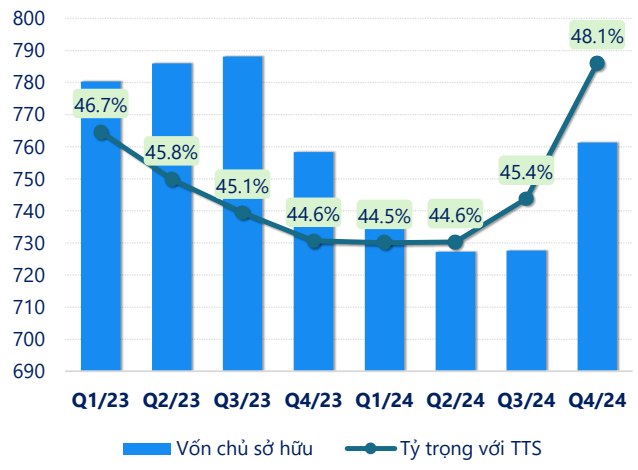
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



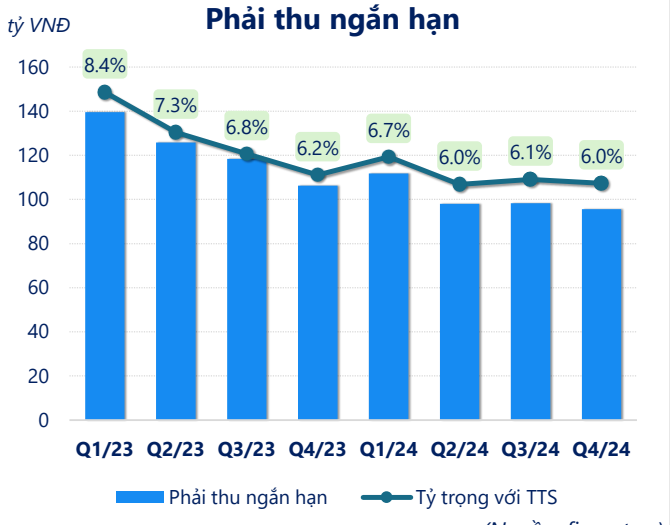
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



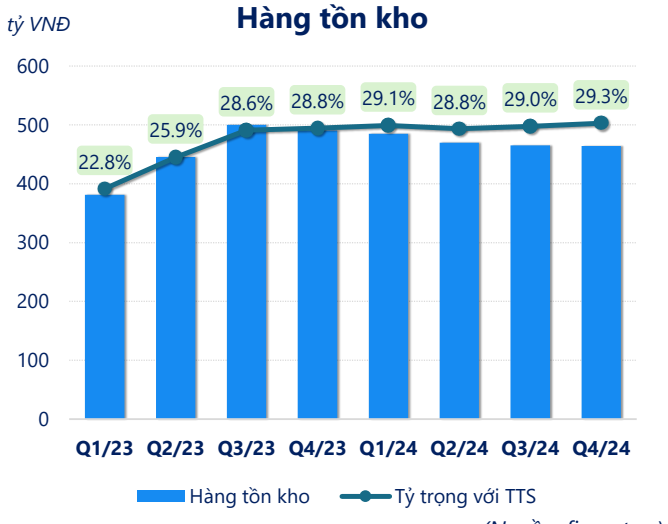
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



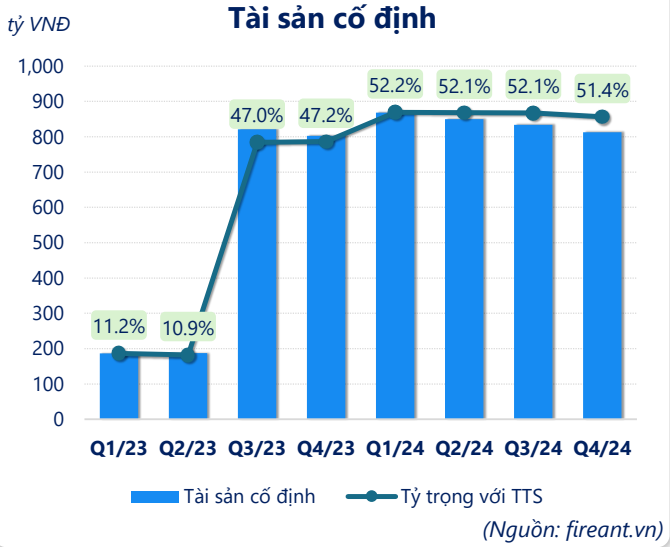
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



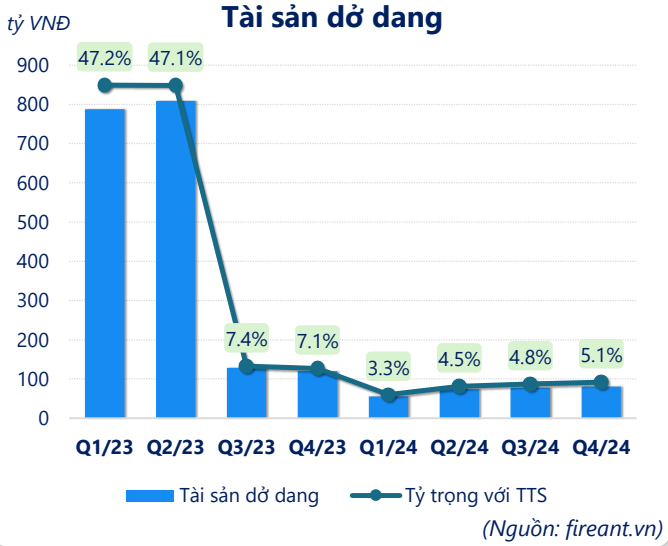
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



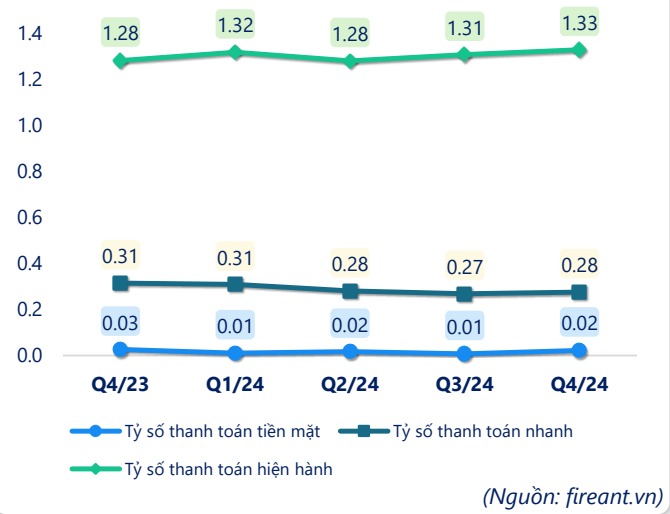
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



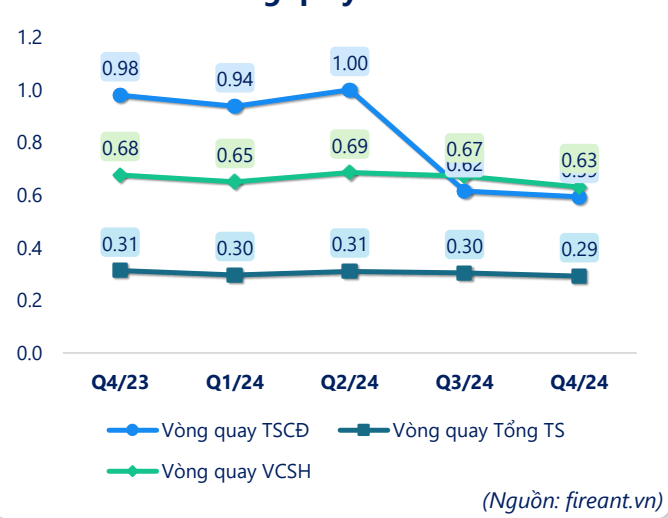
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,701**	**1,665**	**1,632**	**1,602**	**1,582**
Tài sản ngắn hạn	**650**	**633**	**601**	**585**	**586**
Tiền và tương đương tiền	13.2	5.15	8.01	3.18	9.89
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.46	0	0	0	1.00
Phải thu ngắn hạn	106	112	98.0	98.3	95.6
Hàng tồn kho	491	485	470	465	464
Tài sản ngắn hạn khác	32.6	31.3	25.5	18.6	15.0
Tài sản dài hạn	**1,051**	**1,032**	**1,031**	**1,017**	**997**
Phải thu dài hạn	0.68	0.68	0.79	0.71	0.71
Tài sản cố định	802	868	850	834	813
Bất động sản đầu tư	79.1	78.0	76.9	75.9	74.8
Tài sản dở dang	120	55.7	73.9	77.6	80.8
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	1.00	1.00	0
Tài sản dài hạn khác	47.5	28.2	28.0	27.7	27.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**938**	**918**	**900**	**870**	**816**
Nợ ngắn hạn	**507**	**480**	**469**	**447**	**441**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	312	306	275	238	252
Phải trả người bán ngắn hạn	81.9	71.3	83.3	81.5	80.7
Nợ dài hạn	431	438	431	423	376
Vay và nợ thuê dài hạn	376	390	385	379	364
Nguồn vốn chủ sở hữu	**763**	**747**	**732**	**732**	**766**
Vốn chủ sở hữu	**758**	**742**	**727**	**728**	**761**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	4.60	5.13	4.55	3.97	4.71

(Nguồn: fireant.vn)